

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 08/4/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Nhất Luân

- Ông Thái Cao Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hoài - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trần Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-DS ngày 03/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Phú Ân Nam 4, xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông M có mặt

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Lập Định 1, xã Cam Hoà, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Bà H vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức HN, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Lập Định 1, xã Cam Hoà, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Ông HN vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn M trình bày: Bà Nguyễn Thị Huỳnh H có vay tiền ông Đoàn Văn M hai lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Mượn số tiền 40.000.000 đồng, có viết “giấy cho mượn tiền” ngày 08/9/2020, thời gian mượn từ ngày 08/9/2020 đến ngày 08/9/2021, lãi suất 7%/tháng, có ký xác nhận. Để làm tin khoản vay, bà H giao cho ông M bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778553, số vào sổ cấp GCN: CH 01714 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN.

Lần 2: Mượn số tiền 60.000.000 đồng, có viết “giấy cho mượn tiền” ngày 11/9/2020, thời gian mượn từ ngày 11/9/2020 đến ngày 11/9/2021, lãi suất 7%/tháng, có ký xác nhận. Để làm tin khoản vay, bà H có giao cho ông M bản

chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778557, số vào sổ cấp GCN : CH 01718 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN.

Tổng số tiền bà H mượn của ông M là 100.000.000 đồng và bà H đã nhận đủ số tiền. Việc cho bà H vay số tiền 100.000.000 đồng là giữa ông M và bà H, không liên quan đến cá nhân nào khác, cũng không liên quan đến chồng bà H là ông Nguyễn Đức HN. Bà H đưa bản chính 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng bà H là chỉ để làm tin cho việc vay mượn tiền, ông M không biết và không gặp ông HN. Mặc dù trong 02 (hai) giấy cho mượn tiền ngày 08/9/2020 và ngày 11/9/2020 đều ghi lãi suất 7%/tháng nhưng từ khi cho vay đến nay, bà H không trả tiền gốc và không trả lãi cho ông M.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải trả cho ông M số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Về tiền lãi ông M yêu cầu tính lãi suất đối với tổng số tiền gốc 100.000.000 đồng, yêu cầu tính từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2024 là 30 tháng với lãi suất 1,66%/tháng. Về phương thức trả nợ là trả 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khi bà H trả hết số nợ gốc thì ông M sẽ trả lại cho bà H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778553, số vào sổ cấp GCN : CH 01714 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778557, số vào sổ cấp GCN : CH 01718 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Đức HN không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác M tại Công an xã Cam Hòa, huyện CL thì bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Đức HN có đăng ký thường trú tại thôn Lập Định 1, xã Cam Hòa, huyện CL và đang sinh sống, có mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M, buộc bà H phải trả cho ông M tổng số tiền 149.800.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 49.800.000 đồng; về án phí: bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Đoàn Văn M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh H trả tiền vay nợ; đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H đăng ký thường trú và cư trú tại thôn Lập Định 1, xã Cam Hòa, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa; do đó tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức HN đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa ngày 14/3/2024 và ngày 08/4/2024 mà không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông HN theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về tiền nợ gốc: Ông Đoàn Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh H trả tổng nợ vay là 100.000.000 đồng, chứng cứ ông M cung cấp cho Tòa án là “Giấy cho mượn tiền” ngày 08/9/2020 và “Giấy cho mượn tiền” ngày 11/9/2020 theo mẫu in sẵn, có các chữ viết tay bằng mực màu xanh vào các khoảng trống, nội dung như sau:

Đối với "Giấy cho mượn tiền" ngày 08/9/2020 có nội dung: “...Bên cho mượn tiền (gọi tắt là bên A) Đoàn Văn M, sinh năm 1976, CMND số 225253728, nơi cấp Công an Khánh Hòa, hiện thường trú T4 Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa. Bên nhận mượn tiền (gọi tắt bên B) Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1963, CMND số 220258955, nơi cấp: Công an Khánh Hòa. Nội dung mượn tiền: Bên A có cho bên B mượn một số tiền 40.000.000 đồng. Thời gian mượn từ ngày 8 tháng 9 năm 2020 đến ngày 8 tháng 9 năm 2021. Bên B phải trả đủ tiền gốc cho bên A một lần khi đến hạn phải trả theo thỏa thuận...”

Đối với "Giấy cho mượn tiền" ngày 11/9/2020 có nội dung: “...Bên cho mượn tiền (gọi tắt là bên A) Đoàn Văn M, sinh năm 1976, CMND số 225253728, nơi cấp Công an Khánh Hòa, hiện thường trú T4 Diên An, Diên Khánh, Khánh Hòa. Bên nhận mượn tiền (gọi tắt bên B) Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1963, CMND số 220258955, nơi cấp: Công an Khánh Hòa. Nội dung mượn tiền: Bên A có cho bên B mượn một số tiền 60.000.000 đồng. Thời gian mượn từ ngày 11 tháng 09 năm 2020 đến ngày 11 tháng 09 năm 2021. Bên B phải trả đủ tiền gốc cho bên A một lần khi đến hạn phải trả theo thỏa thuận...”

Căn cứ vào 02 giấy cho mượn tiền, về nội dung và hình thức là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà H có quyền phản đối yêu cầu khởi

kiện của ông M và cung cấp chứng cứ chứng M cho ý kiến phản đối của mình. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án, không thực hiện nghĩa vụ chứng M, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với sự vắng mặt của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được và có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Ông M có cho bà H vay tiền, cụ thể ngày 08/9/2020 vay 40.000.000 đồng thời vay là 01 năm và ngày 11/9/2020 vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng và bà H chưa trả tiền cho ông M theo thỏa thuận. Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh. Số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng nên yêu cầu của ông M buộc bà H phải trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: “Giấy cho mượn tiền” ngày 08/9/2020 và “Giấy cho mượn tiền” ngày 11/9/2020 có ghi lãi suất 7%/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông M yêu cầu bà H trả lãi của khoản tiền vay 100.000.000 đồng tính từ tháng 10/2021 đến khi xét xử là tháng 4/2024 tương ứng với mức suất 20%/1 năm (1,66%/tháng) là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, tiền lãi của khoản vay được tính như sau:

- Khoản vay 40.000.000 đồng: Từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2024 là 30 tháng x 40.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 19.920.000 đồng.

- Khoản vay 60.000.000 đồng: Từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2024 là 30 tháng x 60.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 29.880.000 đồng.

Tổng số tiền lãi phát sinh là 49.800.000 đồng

[3.3] Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải trả cho ông Đoàn Văn M là 149.800.000 đồng; trong đó, tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 49.800.000 đồng.

[3.4] Về nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức HN: Nguyên đơn ông Đoàn Văn M xác định khi bà H vay tiền không có sự tham gia của ông HN, không biết việc bị đơn bà H sử dụng số tiền vay làm gì nên ông M không yêu cầu ông Nguyễn Đức HN phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Bà Nguyễn Thị Huỳnh H có giao cho ông Đoàn Văn M giữ 01(một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778553, số vào sổ cấp GCN: CH 01714 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 và 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778557, số vào sổ cấp GCN : CH 01718 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN. Xét, tại "Giấy cho mượn

tiền" ngày 08/9/2020 có nội dung: "...3/Để đảm bảo số tiền mượn nói trên, bên B có thể chấp những giấy tờ sau đây: 1 Giấy chứng nhận QSDĐ tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN BT 778553..."; tại "Giấy cho mượn tiền" ngày 11/9/2020 có nội dung: "...3/Để đảm bảo số tiền mượn nói trên, bên B có thể chấp những giấy tờ sau đây: 1 Giấy chứng nhận QSDĐ tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN BT 778862...". Ông Đoàn Văn M xác định trong giấy ghi nội dung thể chấp là theo mẫu in sẵn nhưng mục đích là để làm tin cho khoản vay.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên bà Nguyễn Thị Huỳnh H và ông Nguyễn Đức HN và khi giao cho ông Đoàn Văn M cầm giữ chưa được sự đồng ý của ông Nguyễn Đức HN nên phần giao dịch này là trái với quy định của pháp luật. Buộc ông Đoàn Văn M phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778553 và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778862.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho ông Đoàn Văn M là 149.800.000 đồng x 5% = 7.490.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M: Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H có nghĩa vụ trả cho ông Đoàn Văn M số tiền 149.800.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tiền lãi là 49.800.000 đồng (bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Đoàn Văn M trả bà Nguyễn Thị Huỳnh H 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778553, số vào sổ cấp GCN : CH 01714 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN và 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 778557, số vào sổ cấp GCN : CH 01718 do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp ngày 18/9/2014 mang tên Nguyễn Thị Huỳnh H và Nguyễn Đức HN.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H phải chịu 7.490.000 đồng (bảy triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Đoàn Văn M số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002365 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

4. Nguyên đơn ông Đoàn Văn M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức HN vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh